

BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MỨC THU ĐƠN VỊ TÍNH	PHÍ/ LỆ PHÍ	ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM, THU PHÍ 0 ĐỒNG	STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	PHÍ/ LỆ PHÍ	ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM, THU PHÍ 0 ĐỒNG	STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	PHÍ/ LỆ PHÍ	ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM, THU PHÍ 0 ĐỒNG		
I	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (Thực hiện theo thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của BTC)				21	Cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao giấy khai sinh (Phi khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch)	Đồng/bản	8.000		4	Cấp đổi, cấp lại, đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới GCN hoặc chứng nhận biến động vào GCN đã cấp đối với tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo (không bao gồm trường hợp đăng ký biện pháp đảm bảo	Đồng/GCN	50.000	1. Giảm 40% tiền lệ phí đối với trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người có khuyết tật, người có công với cách mạng (Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh) 1. Áp dụng mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (Căn cứ Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh)		
1	Chứng thực bản sao từ bản chính, giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam, nước ngoài hoặc liên kết cấp/chứng nhận	Đồng/trang	2.000	Miễn phí Chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản đối với cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. (Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6 /2015 của Chính phủ)						5	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính đối với cá nhân, hộ gia đình	Đồng/GCN	10.000			
2	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cá và trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ)	Đồng/trường hợp (Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản)	10.000			6	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính đối với tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	Đồng/trích lục, văn bản	30.000							
3	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Đồng/hợp đồng, giao dịch	50.000			7	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân	Đồng/GCN	200.000							
4	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Đồng/hợp đồng, giao dịch	50.000			8	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	Đồng/GCN	500.000							
5	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Đồng/hợp đồng, giao dịch	50.000			9	Thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân	Đồng/GCN	400.000							
6	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Đồng/hợp đồng, giao dịch	30.000			10	Thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đối với tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	Đồng/GCN	600.000							
7	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Đồng/hợp đồng, giao dịch	25.000			11	Thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; đính chính giấy chứng nhận đã cấp có sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân	Đồng/GCN	500.000							
* Ghi chú: Đối với thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính, Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định: - Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính. - Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản.					III	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KINH DOANH (Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của HĐND tỉnh Hưng Yên)			1. Miễn phí Đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh qua mạng điện tử. (Căn cứ Thông số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Chính phủ)	12	Thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; đính chính GCN đã cấp có sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	Thực hiện thu phí theo quy định tại Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ hệ thống thông tin quốc gia về đất đai				
II	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của HĐND tỉnh Hưng Yên; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính, Nghị định 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2026 của Chính phủ)				1	Đăng ký kinh doanh	Đồng/lần cấp	50.000	1. Áp dụng mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (Căn cứ Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND	13	Khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ hệ thống thông tin quốc gia về đất đai	100.000	1. Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. (Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh) 1. Miễn, giảm phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 101/2024/NĐCP ngày 29/7/2024 của Chính phủ			
1	Liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	Đồng	0	1. Áp dụng mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình. (Căn cứ Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh)						14	Khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chưa có trong hệ thống thông tin quốc gia về đất đai (Không bao gồm chi phí in ấn, phôi tài liệu (nếu có))	Đồng/hồ sơ		100.000		
2	Đăng ký khai sinh đúng hạn	Đồng	0			15	Phi cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đồng/GCN	50.000							
3	Đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ; giấy tờ cá nhân	Đồng	10.000			16	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân	Đồng/GCN	300.000							
4	Đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân có yếu tố nước ngoài	Đồng	100.000			17	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với tổ chức	Đồng/GCN	500.000							
5	Đăng ký khai tử đúng hạn	Đồng	0		IV	LĨNH VỰC XÂY DỰNG (Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của HĐND tỉnh Hưng Yên)										
6	Đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử	Đồng	10.000			1	Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	Đồng/giấy phép	80.000	Áp dụng mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (Căn cứ Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh)						
7	Đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Đồng	100.000			2	Giấy phép xây dựng đối với công trình khác	Đồng/giấy phép	160.000							
8	Đăng ký kết hôn đúng hạn	Đồng	0			3	Gia hạn giấy phép xây dựng	Đồng/giấy phép	20.000							
9	Đăng ký lại kết hôn	Đồng	30.000			V	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của HĐND tỉnh Hưng Yên)									
10	Đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Đồng	1.500.000			1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, HGD	Đồng/GCN	25.000							
11	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Đồng	20.000			2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	Đồng/GCN	100.000							
12	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Đồng	400.000			3	Cấp đổi, cấp lại, đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới GCN hoặc chứng nhận biến động vào GCN đã cấp đối với cá nhân, hộ gia đình (không bao gồm trường hợp đăng ký biện pháp đảm bảo)	Đồng/GCN	20.000							
13	Đăng ký giám hộ; đăng ký chấm dứt giám hộ; đăng ký giám sát việc giám hộ; đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Đồng	0			* Ghi chú: 1. Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bao gồm: Đăng ký biện pháp bảo đảm, đăng ký văn bản thông báo về xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm. 2. Điểm a, Khoản 1, Điều 11, Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định: Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. * Đối với người có công với cách mạng; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người cao tuổi; người khuyết tật; hộ nghèo; người thuộc hộ nghèo khi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công xã vui lòng mang theo các “Giấy tờ hoặc văn bản” chứng minh để được hưởng chính sách miễn giảm phí, lệ phí theo quy định của pháp luật./.										
14	Đăng ký giám hộ; đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Đồng	60.000													
15	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Đồng	20.000													
16	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Đồng	30.000													
17	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Đồng	20.000													
18	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Đồng	1.500.000													
19	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết	Đồng	100.000													
	Xác nhận thông tin hộ tịch 20 (Phi khai thác, sử dụng thông tin Đồng/văn bản)		8.000													